

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG VÀ LOẠI TRỪ BỆNH SÓT RÉT
THÁNG 3 NĂM 2025

1. Tình hình sốt rét tháng 3 năm 2025

Trong tháng 3 năm 2025, toàn khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng ghi nhận 03 trường hợp bệnh sốt rét (THBSR) tại TP. Hồ Chí Minh: Trong đó có 01 THBSR nội địa tại tỉnh Bình Phước, 02 THB (Bình Thuận, Campuchia); có 02 THB sốt rét ác tính (SRAT), không có bệnh nhân tử vong do sốt rét (Bảng 1).

Tổng số liều thuốc sốt rét đã sử dụng trong tháng 3 năm 2025 của toàn khu vực là 03 liều điều trị bệnh nhân sốt rét (Bảng 2).

Tổng số xét nghiệm KSTSR được thực hiện tại các tuyến trong toàn khu vực là 17.694 xét nghiệm, giảm 2,79% so với cùng kỳ 2024 (17.694/18.479), số KSTSR được phát hiện chiếm 0,017%. Trong đó, có 02 KSTSR *P.malariae* chiếm 66,67%, 01 KSTSR do *P.falciparum*, không có *P.vivax*, và trường hợp bệnh nhiễm KSTSR phối hợp.

2. Tình hình sốt rét tháng 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024

Số THBSR toàn khu vực trong tháng 3 năm 2025 tăng 50% (03/02 THBSR) so với cùng kỳ năm 2024, có 03 THB được ghi nhận tại TP. Hồ Chí Minh, không có trường hợp bệnh tử vong do sốt rét (Bảng 3).

Trong đó: Số THBSR tăng 50% tại Tp. Hồ Chí Minh (03/02) (Bảng 5).

Tổng số xét nghiệm được thực hiện trong tháng 3 năm 2025 là 17.694 xét nghiệm, giảm 2,79% so với cùng kỳ 2024 (17.694/18.479). Trong đó, test chẩn đoán nhanh là 4.050, xét nghiệm bằng lam máu soi kính hiển vi là 11.524, xét nghiệm lam và test chẩn đoán nhanh là 2.390. Số ký sinh trùng sốt rét (KSTSR) (+) được phát hiện tăng 50% (03/02 KSTSR) so với cùng kỳ năm 2024 (Bảng 4).

Trong tháng 2/2025 tổng số lam xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét của TTKSBT các tỉnh, thành phố khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng gửi về Viện để kiểm tra với tổng số 1.101 lam, trong đó tất cả 1.101 lam đều âm tính chiếm 100%.

Về tình hình gửi lam kiểm tra tháng 3/2025: 20/20 tỉnh đã gửi lam kiểm tra với tổng số 1.128 lam xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét, có kết quả kiểm tra soi đúng 100%. (Bảng 6).

3. Ý kiến chỉ đạo

Tiếp tục tăng cường công tác điều tra, giám sát, quản lý những đối tượng dân di biến động trở về địa phương từ các vùng sốt rét lưu hành trong và ngoài nước, vùng

sốt rét kháng thuốc nhằm chủ động phát hiện sớm trường hợp nhiễm KSTSR nhằm ngăn chặn sốt rét lây lan trong cộng đồng.

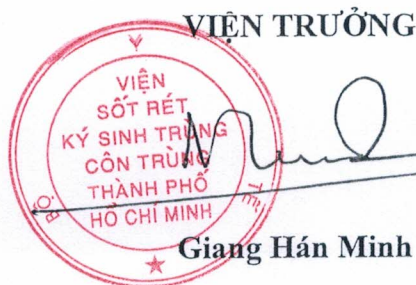
Tiếp tục tăng cường công tác giám sát chẩn đoán, phát hiện, điều trị bệnh nhân sốt rét theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 3377/QĐ-BYT ngày 30/8/2024. Báo cáo trường hợp bệnh, hoạt động phòng chống sốt rét lên hệ thống báo cáo bệnh truyền nhiễm (eCDS-MMS) theo quy định tại Quyết định số 4922/QĐ-BYT ban hành ngày 25/10/2021 về hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt rét.

Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cho người dân trong cộng đồng nâng cao nhận thức về phòng bệnh sốt rét, đặc biệt người trở về nước từ vùng sốt rét lưu hành trong, ngoài nước. Nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng địa phương và tập quán sinh hoạt của người dân ở từng vùng địa lý khác nhau.

Kịp thời báo cáo về Viện Sốt rét - KST - CT TP. Hồ Chí Minh những diễn biến bất thường trong công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét để có biện pháp giải quyết. *Mue*

Nơi nhận:

- Cục Phòng Bệnh (đề b/c);
- TT. Nguyễn Thị Liên Hương (đề b/c);
- Viện SR-KST-CT TW;
- SYT các tỉnh/TP khu vực NB-LĐ;
- TTKSBT các tỉnh/TP khu vực NB-LĐ;
- Ban Biên tập website Viện;
- Lưu: VT, DT, KH.





Đang 1. Tình hình bệnh nhân sốt rét tại khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

TT	TỈNH/TP	Tổng số THB SR	THB SR thường	THB SRAT	TV do SR	KST Nội địa	Số ổ bệnh	THB XN G6PD (P.v)
1	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0	0
2	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0	0
3	Bình Dương	0	0	0	0	0	0	0
4	Bình Phước	0	0	0	0	1	1	0
5	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0	0
7	TP. Hồ Chí Minh	3	1	2	0	0	0	0
8	Long An	0	0	0	0	0	0	0
9	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	0
10	An Giang	0	0	0	0	0	0	0
11	Bến Tre	0	0	0	0	0	0	0
12	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0
13	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0
14	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0
15	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0
16	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	0
17	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0
18	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0
19	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	0
20	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		3	1	2	0	1	1	0



Bảng 2. Tình hình sử dụng thuốc điều trị sốt rét tại khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

TT	TỈNH/TP	Tổng số BNSR	Tổng số liều thuốc sử dụng				
			Tổng số	Điều trị BNSR	Cấp thuốc tự điều trị	Điều trị khác	Điều trị MR
1	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0
2	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0
3	Bình Dương	0	0	0	0	0	0
4	Bình Phước	0	0	0	0	0	0
5	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0
7	TP. Hồ Chí Minh	3	3	3	0	0	0
8	Long An	0	0	0	0	0	0
9	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0
10	An Giang	0	0	0	0	0	0
11	Bến Tre	0	0	0	0	0	0
12	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0
13	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0
14	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0
15	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0
16	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0
17	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0
18	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0
19	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0
20	Cà Mau	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		3	3	3	0	0	0



Bảng 3. Tình hình sốt rét trong tháng 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024

CHI TIẾT	Tháng 3/2025	Tháng 3/2024	So sánh	
			% Tăng	% Giảm
1 Tổng số lam xét nghiệm	17.964	18.479		2,79
2 Tổng số KST (+)	3	2	50,00	
3 Tỷ lệ % KST (+)/ lam XN	0,017	0,011	54,55	
4 Tổng <i>P. falciparum</i> và PH có <i>P. f</i>	1	1		
5 Tỷ lệ % <i>P. falciparum</i> /KST (+)	33,33	50,00		33,33
6 Tổng số THBSR	3	2	50	
7 THB SR/1000 dân	0,00009	0,00006	50	
8 Tổng số THB SRAT	2	1	100,00	
9 Tỷ lệ % SRAT/THB SR	66,67	50,00		33,34
10 Tổng số tử vong do SR	0	0		
11 Tỷ lệ % tử vong / SRAT	0	0		
12 Tỷ lệ tử vong / 100.000 dân	0	0		
13 Dịch sốt rét	không	không		
14 Tổng số lượt người điều trị	3	3		
15 Tổng số lượt người bảo vệ	0	0		
16 Huấn luyện chuyên khoa sốt rét	1.083	1.150		5,83



Bảng 4. Tình hình xét nghiệm KSTSR trong tháng 3 năm 2025 tại khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

TT	Test nhanh	Lam	Lam và test nhanh	Tổng xét nghiệm	KST (+)	% KST/lam	P.f	P.v	P.m	P.o	P.k	PH
1	Lâm Đồng	1.017	1.855	660	3.532	0	0	0	0	0	0	0
2	Đông Nai	100	841	7	948	0	0	0	0	0	0	0
3	Bình Dương	551	697	0	1.248	0	0	0	0	0	0	0
4	Bình Phước	1.607	3.409	1.136	6.152	0	0	0	0	0	0	0
5	Tây Ninh	131	613	183	927	0	0	0	0	0	0	0
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	203	84	105	392	0	0	0	0	0	0	0
7	TP. Hồ Chí Minh	19	8	287	314	3	0,955	1	0	2	0	0
8	Long An	56	696	12	764	0	0	0	0	0	0	0
9	Tiền Giang	0	151	0	151	0	0	0	0	0	0	0
10	An Giang	0	383	0	383	0	0	0	0	0	0	0
11	Bến Tre	0	33	0	33	0	0	0	0	0	0	0
12	Kiên Giang	120	28	0	148	0	0	0	0	0	0	0
13	Đồng Tháp	0	172	0	172	0	0	0	0	0	0	0
14	Vĩnh Long	0	478	0	478	0	0	0	0	0	0	0
15	Trà Vinh	0	388	0	388	0	0	0	0	0	0	0
16	Cần Thơ	0	421	0	421	0	0	0	0	0	0	0
17	Hậu Giang	0	127	0	127	0	0	0	0	0	0	0
18	Sóc Trăng	165	444	0	609	0	0	0	0	0	0	0
19	Bạc Liêu	56	46	0	102	0	0	0	0	0	0	0
20	Cà Mau	25	650	0	675	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		4.050	11.524	2.390	17.964	3	0,017	1	0	2	0	0



Bảng 5. Tình hình sốt rét tại khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng, tháng 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024

TT	TỈNH/TP	Tháng 3/2025							Tháng 3/2024								
		TS THB	Ác tính	Từ vong	TS hiện điều trị	TS XN	TS KST	%KST /XN	Dịch SR	TS THB	Ác tính	Từ vong	TS hiện điều trị	TS XN	TS KST	%KST /XN	Dịch SR
1	Lâm Đồng	0	0	0	0	3.532	0	0	Không	0	0	0	5.416	0	0	0	Không
2	Đồng Nai	0	0	0	0	948	0	0	-	0	0	0	839	0	0	-	-
3	Bình Dương	0	0	0	0	1.248	0	0	-	0	0	0	1.478	0	0	-	-
4	Bình Phước	0	0	0	0	6.152	0	0	-	0	0	0	4.762	0	0	-	-
5	Tây Ninh	0	0	0	0	927	0	0	-	0	0	0	947	0	0	-	-
6	BR - VT	0	0	0	0	392	0	0	-	0	0	0	92	0	0	-	-
7	TP. HCM	3	2	0	3	314	3	0,955	-	2	1	0	278	2	0,719	-	-
8	Long An	0	0	0	0	764	0	0	-	0	0	0	707	0	0	-	-
9	Tiền Giang	0	0	0	0	151	0	0	-	0	0	1	315	0	0	-	-
10	An Giang	0	0	0	0	383	0	0	-	0	0	0	583	0	0	-	-
11	Bến Tre	0	0	0	0	33	0	0	-	0	0	0	93	0	0	-	-
12	Kiên Giang	0	0	0	0	148	0	0	-	0	0	0	154	0	0	-	-
13	Đồng Tháp	0	0	0	0	172	0	0	-	0	0	0	340	0	0	-	-
14	Vĩnh Long	0	0	0	0	478	0	0	-	0	0	0	266	0	0	-	-
15	Trà Vinh	0	0	0	0	388	0	0	-	0	0	0	395	0	0	-	-
16	Cần Thơ	0	0	0	0	421	0	0	-	0	0	0	466	0	0	-	-
17	Hậu Giang	0	0	0	0	127	0	0	-	0	0	0	118	0	0	-	-
18	Sóc Trăng	0	0	0	0	609	0	0	-	0	0	0	688	0	0	-	-
19	Bạc Liêu	0	0	0	0	102	0	0	-	0	0	0	90	0	0	-	-
20	Cà Mau	0	0	0	0	675	0	0	-	0	0	0	452	0	0	-	-
Tổng cộng		3	2	0	3	17.964	3	0,017	-	2	1	0	18479	2	0,011	-	-



Biểu 6. Kết quả kiểm tra chất lượng lam xét nghiệm kỹ sinh trùng sốt rét trong tháng 3 năm 2025

TT	Tỉnh/TP	TS	Kết quả nơi gửi kiểm tra							Đúng	Sai sót				
			(-)	Lam (+)							Thiếu. thừa thẻ	Thiếu. thừa PH	(-) ↔ (+)	Sai chũng	(%)
				P.f	P.v	P.m	P.o	P.k	PH						
1	Lâm Đồng	241	241	0	0	0	0	0	0	241	0	0	0	0	0,00
2	Đồng Nai	75	75	0	0	0	0	0	0	75	0	0	0	0	0,00
3	Bình Dương	88	88	0	0	0	0	0	0	88	0	0	0	0	0,00
4	Bình Phước	312	312	0	0	0	0	0	0	312	0	0	0	0	0,00
5	Tây Ninh	70	70	0	0	0	0	0	0	70	0	0	0	0	0,00
6	BR-VT	2	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0,00
7	TP. HCM	4	4	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0,00
8	Long An	5	5	0	0	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0,00
9	Tiền Giang	33	33	0	0	0	0	0	0	33	0	0	0	0	0,00
10	An Giang	6	6	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0,00
11	Bến Tre	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0,00
12	Kiên Giang	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0,00
13	Đông Tháp	126	126	0	0	0	0	0	0	126	0	0	0	0	0,00
14	Vĩnh Long	40	40	0	0	0	0	0	0	40	0	0	0	0	0,00
15	Trà Vinh	23	23	0	0	0	0	0	0	23	0	0	0	0	0,00
16	Cần Thơ	20	20	0	0	0	0	0	0	20	0	0	0	0	0,00
17	Hậu Giang	12	12	0	0	0	0	0	0	12	0	0	0	0	0,00
18	Sóc Trăng	27	27	0	0	0	0	0	0	27	0	0	0	0	0,00
19	Bạc Liêu	4	4	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0,00
20	Cà Mau	38	38	0	0	0	0	0	0	38	0	0	0	0	0,00
Tổng cộng		1.128	1.128	0	0	0	0	0	0	1.128	0	0	0	0	0,00